

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BA  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6- 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phùng Văn Tân và ông Đào Trung Kiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa:** ông Lưu Thanh Liêm - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST- HNGĐ ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1986.

*Địa chỉ:* khu 9, xã H, huyện T, tỉnh P (có mặt)

*Bị đơn:* Chị Đặng Xuân T, sinh năm 1991.

*Địa chỉ:* khu 9, xã H, huyện T, tỉnh P

*Nơi cư trú hiện nay:* Khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh P (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Mạnh L trình bày:*

Anh L và chị Đặng Xuân T kết hôn ngày 28/9/2010 tại UBND xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống khoảng 05 năm đầu hòa thuận sau đó thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng do không hợp nhau, bất đồng quan điểm về kinh tế, mất lòng tin ở nhau. Kể từ tháng 7/2021, vợ chồng đã sống ly thân, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã M, huyện T, không ai quan tâm đến ai. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh L và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 12/5/2011 và cháu Nguyễn Phương C, sinh ngày 30/3/2014. Hiện nay hai cháu

đang ở với anh L, do anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh L xin được nuôi cả 02 con chung, không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng có 03 xe máy hiện nay anh đang sử dụng. Khi ly hôn anh không đề nghị giải quyết về tài sản.

Về công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Đối với bị đơn, đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc là không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho anh Nguyễn Mạnh L được ly hôn chị Đặng Xuân T.

+ Về con chung: giao cho anh Nguyễn Mạnh L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu

+ Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh L và chị Đặng Xuân T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L và chị T đều có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (chị Thu) là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

\* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Nguyễn Mạnh L và chị Đặng Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T (nay là xã H), huyện T, tỉnh P ngày 28/9/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L và chị T có những bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong quản lý kinh tế, vợ chồng mất niềm tin ở nhau. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã H cho biết quá trình anh L và chị T xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Kể từ tháng 7/2021, chị T không còn sinh sống tại gia đình anh L ở xã H. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, của phụ nữ và trẻ em.

Tòa án báo gọi chị T nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị T không đến để tham gia giải quyết vụ việc. Vì vậy, Tòa án không thực hiện được thủ tục hòa giải vụ án. Anh L và chị T đã có thời gian sống ly thân kể từ tháng 7/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Có thể thấy tình cảm vợ chồng anh L và chị T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho anh L được ly hôn chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

\* Về con chung: Anh L và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 12/5/2011 và Nguyễn Phương C, sinh ngày 30/3/2014. Anh L có nguyện vọng xin được nuôi 02 con chung. Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Xuân K (là bố mẹ đẻ của chị T) trình bày quan điểm chị T và gia đình ông bà mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương C. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T không có ý kiến trình bày quan điểm nguyện vọng về việc nuôi con chung. Bà L và ông K là bố mẹ đẻ chị T cũng thừa nhận hiện nay chị T đang đi làm thuê không có mặt ở địa phương, vì vậy không có cơ sở để xác định điều kiện giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa, hiện nay cả hai cháu đang sinh sống ổn định cùng anh L, được anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Thông tin từ chính quyền địa phương xã H cũng xác định anh L có đủ điều kiện đảm bảo để nuôi dưỡng các con chung. Vì vậy, xét giao 02 con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho các cháu ổn định sinh sống và học tập.

\* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: anh L, không đề nghị Tòa án giải quyết; Chị T vắng mặt nên không có quan điểm về sự việc trên, vì vậy HĐXX tách nội dung về tài sản chung, công nợ, công sức không giải quyết trong vụ án này, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ việc khác.

[4] Về án phí: anh L có nghĩa vụ phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Mạnh L được ly hôn chị Đặng Xuân T.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Mạnh L trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 12/5/2011 Nguyễn Phương C, sinh ngày 30/3/2014 kể từ ngày 30/6/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003335 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Mạnh L có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Đặng Xuân T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**THẨM PHÁN**

**Hà Thanh Loan**